

**ĐỀ ÁN**

**củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo  
của cấp ủy các cấp; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên  
đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ nhiệm kỳ 2025 - 2030**

**Phần thứ nhất**  
**SỰ CẦN THIẾT, CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH ĐỀ ÁN**

Tổ chức cơ sở đảng (TCCSĐ) là nền tảng của Đảng, hạt nhân chính trị ở cơ sở, nơi trực tiếp triển khai các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, đồng thời là cầu nối gắn bó giữa Đảng với Nhân dân. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Đảng mạnh là do chi bộ tốt. Chi bộ tốt là do các đảng viên đều tốt”, qua đó nhấn mạnh vai trò đặc biệt quan trọng của chi bộ và đội ngũ đảng viên đối với sức mạnh lãnh đạo của Đảng. Những năm qua, Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên đã ban hành và tổ chức thực hiện nhiều nghị quyết, đề án nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của TCCSĐ và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Qua đó, phương thức lãnh đạo từng bước được đổi mới; chất lượng sinh hoạt cấp ủy, chi bộ được nâng lên; năng lực, trình độ của cấp ủy viên, bí thư cấp ủy cơ sở và cán bộ, đảng viên có chuyên biến tích cực; đa số TCCSĐ giữ vững vai trò hạt nhân chính trị ở cơ sở, đóng góp quan trọng vào thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của cơ quan, địa phương, đơn vị.

Bên cạnh đó, cấp ủy các cấp trong tỉnh luôn chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, quan tâm lãnh đạo và thực hiện tốt các khâu trong công tác cán bộ, vì vậy phần lớn cán bộ các cấp của tỉnh có lập trường tư tưởng, bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức, lối sống giản dị, gương mẫu, có ý thức tổ chức kỷ luật; trình độ, năng lực được nâng lên, nhiều cán bộ năng động, sáng tạo, thích ứng với xu thế hội nhập, có tư duy đổi mới, có khả năng hoạch định đường lối phát triển kinh tế - xã hội và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, luôn phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một bộ phận TCCSĐ còn hạn chế; một số nơi còn lúng túng trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị và giải quyết những vấn đề phát sinh ở cơ sở. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng chưa thường xuyên, còn đảng viên bản lĩnh chính trị chưa vững vàng, tinh thần trách nhiệm, tính gương mẫu chưa cao; tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình có lúc, có nơi chưa quyết liệt. Một số chi bộ sinh hoạt còn hình thức, phương thức lãnh đạo chậm đổi mới; công tác phát triển đảng viên có nơi còn tập trung về số lượng; công tác rà soát, sàng lọc đảng viên chưa thực hiện thường xuyên, kịp thời. Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên có nơi chưa thực chất. Đối với công tác cán bộ, đánh giá cán bộ vẫn còn hạn chế; trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ chưa thực sự đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới, nhất là khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Số lượng cán bộ lãnh đạo, quản lý có công trình khoa học, đề án đóng góp cho sự phát triển còn ít; một số cán bộ thiếu tầm nhìn chiến lược trong tham mưu những vấn đề dài hạn.

Bước vào giai đoạn 2025 - 2030, tỉnh Thái Nguyên tiếp tục thực hiện mục tiêu của Đại hội XIII và XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I theo định hướng: Phát triển nhanh, toàn diện, bền vững, trở thành trung tâm kinh tế - công nghiệp hiện đại của khu vực Trung du và miền núi phía Bắc; đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển đô thị thông minh; tái cấu trúc nền kinh tế gắn với công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ; giữ vững quốc phòng, an ninh và nâng cao đời sống Nhân dân. Những mục tiêu đó đòi hỏi hệ thống chính trị cơ sở, đặc biệt là TCCSĐ và đội ngũ cán bộ, đảng viên, phải có năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu cao hơn, đáp ứng yêu cầu mới về quản trị địa phương, quản trị xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh nhiều thách thức mới như: Đô thị hóa nhanh, di biến động dân cư, tác động từ các khu công nghiệp - khu công nghệ cao, sự phát triển mạnh của doanh nghiệp tư nhân và FDI, yêu cầu chuyển đổi số toàn diện và các vấn đề xã hội mới nảy sinh.

Thực tiễn yêu cầu công tác tổ chức xây dựng Đảng của tỉnh phải có bước chuyển mạnh, vừa kế thừa những kết quả của giai đoạn 2020 - 2025, khắc phục những hạn chế còn tồn tại; bảo đảm sự thống nhất trong nhận thức và hành động của các cấp ủy, tổ chức đảng; đề ra giải pháp đủ mạnh để tháo gỡ khó khăn, đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, xây dựng đội ngũ cấp ủy, lãnh đạo quản lý các cấp và bí thư chi bộ vững về chính trị, giỏi về nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Đồng thời, phải củng cố tổ chức đảng trong doanh nghiệp; nâng cao chất lượng công tác phát triển đảng viên, bảo đảm tính kế thừa và phát triển liên tục của đội ngũ đảng viên; đẩy mạnh kiểm tra, giám sát và sàng lọc đảng viên.

Từ yêu cầu nhiệm vụ của nhiệm kỳ 2025 - 2030, việc xây dựng Đề án “*Củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy các cấp; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ nhiệm kỳ 2025 - 2030*” là hết sức cần thiết. Đề án sẽ tạo căn cứ thống nhất để lãnh đạo, chỉ đạo đồng bộ; cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu và giải pháp mang tính đột phá; tạo cơ chế, động lực mới nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của TCCSĐ; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên thực sự tiên phong, gương mẫu, góp phần xây dựng Đảng bộ tỉnh trong sạch, vững mạnh; bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh, đưa Thái Nguyên phát triển nhanh, toàn diện, bền vững trong giai đoạn 2025 - 2030.

## II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quy định số 294-QĐ/TW, ngày 26/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng; Hướng dẫn số 06-HD/TW, ngày 09/6/2025 của Ban Bí thư về một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng;
- Trên cơ sở tiếp thu những định hướng lớn nêu tại dự thảo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; dự thảo Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;
- Căn cứ Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới;
- Căn cứ Kết luận số 210-KL/TW, ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới;
- Căn cứ Kết luận số 205-KL/TW, ngày 07/11/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá trong tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đãi ngộ cán bộ;
- Căn cứ Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 23/7/2025 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong giai đoạn mới;
- Căn cứ các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy định, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh về công tác xây dựng tổ chức đảng, đảng viên; công tác cán bộ và đội ngũ cán bộ.
- Căn cứ Nghị quyết, Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

## **Phần thứ hai**

### **THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG, ĐẢNG VIÊN VÀ ĐỘI NGŨ CẤP ỦY, CÁN BỘ LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ CÁC CẤP**

#### **I. SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG, ĐẢNG VIÊN, ĐỘI NGŨ CẤP ỦY, CÁN BỘ LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ CÁC CẤP**

##### **1. Số lượng, cơ cấu tổ chức cơ sở đảng**

Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên có 96 đảng bộ trực thuộc (gồm: 77 đảng bộ xã; 15 đảng bộ phường; 04 đảng bộ cấp trên trực tiếp tổ chức cơ sở đảng<sup>1</sup>). Thời điểm tháng 11/2025, toàn Đảng bộ tỉnh có 735 TCCSĐ (trong đó có 241 đảng bộ cơ sở và 494 chi bộ cơ sở), 40 đảng bộ bộ phận, 4.147 chi bộ trực thuộc. Trong 735 TCCSĐ gồm các loại hình sau: Các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội có 100 TCCSĐ, chiếm 13,61%; các cơ quan Nhà nước có 114 TCCSĐ, chiếm 15,51%; các đơn vị sự nghiệp có 193 TCCSĐ, chiếm 26,26%; doanh nghiệp và hợp tác xã có 108 TCCSĐ, chiếm 14,69%; lực lượng vũ trang (Công an, Quân đội) có 220 TCCSĐ, chiếm 29,93% tổng số TCCSĐ toàn Đảng bộ tỉnh.

*Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng TCCSĐ giai đoạn 2020 - 2024, như sau:* Trung bình hằng năm, có trên 90% tổ chức cơ sở đảng xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên<sup>2</sup>; trên 90% chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên<sup>3</sup>.

##### **2. Số lượng, cơ cấu đảng viên**

Thời điểm ngày 20/11/2025, toàn Đảng bộ tỉnh có 140.549 đảng viên, cơ cấu cụ thể như sau:

- *Về cơ cấu:* Đảng viên là nữ 58.073 đồng chí, chiếm 41,3%; đảng viên là người dân tộc thiểu số 55.477 đồng chí, chiếm 39,4%; đảng viên là người theo tôn giáo 981 đồng chí, chiếm 0,7%; đảng viên là đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh 14.085 đồng chí, chiếm 10,1%; đảng viên trong các doanh nghiệp 8.171 đồng chí, chiếm 5,8% .

<sup>1</sup> Gồm các đảng bộ: Các cơ quan Đảng tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Quân sự tỉnh, Công an tỉnh.

<sup>2</sup> Năm 2020 đạt 93,27% (trong đó tỉnh Thái Nguyên 96,71%; tỉnh Bắc Kạn 89,82%); Năm 2021 đạt 95,49% (trong đó tỉnh Thái Nguyên 95,2%; tỉnh Bắc Kạn 95,77%); Năm 2022 đạt 94,74% (trong đó tỉnh Thái Nguyên 95,86%; tỉnh Bắc Kạn 93,62%); Năm 2023 đạt 96,63% (trong đó tỉnh Thái Nguyên 96,08%; tỉnh Bắc Kạn 97,18%); Năm 2024 đạt 96,22% (trong đó tỉnh Thái Nguyên 95,29%; tỉnh Bắc Kạn 97,14%).

<sup>3</sup> Năm 2020 đạt 94,12% (trong đó tỉnh Thái Nguyên 93,61%; tỉnh Bắc Kạn 94,63%); Năm 2021 đạt 93,74% (trong đó tỉnh Thái Nguyên 91,43%; tỉnh Bắc Kạn 96,05%); Năm 2022 đạt 93,42% (trong đó tỉnh Thái Nguyên 92,55%; tỉnh Bắc Kạn 94,29%); Năm 2023 đạt 94,2% (trong đó tỉnh Thái Nguyên 92,33%; tỉnh Bắc Kạn 96,06%); Năm 2024 đạt 95,39% (trong đó tỉnh Thái Nguyên 94,24%; tỉnh Bắc Kạn 96,53%).

- *Về cơ cấu theo lao động*: Tổng số đảng viên đang học tập, làm việc và công tác là 112.690 đồng chí, chiếm 80,2%; số đảng viên đã nghỉ hưu và nghỉ công tác 27.859 đồng chí, chiếm 19,8% tổng số đảng viên.

- *Về độ tuổi của đảng viên*: Tuổi trung bình của đảng viên là 47,4 tuổi. Từ 18 - 30 tuổi là 8.941 chiếm 6,4%; từ 31 - 35 tuổi là 16.724 chiếm 11,9%; từ 36 - 40 tuổi là 19.996 chiếm 14,2%; Từ 41 - 45 tuổi là 20.650 chiếm 14,7%; từ 46 - 50 tuổi là 15.064 chiếm 10,7%; từ 51 - 55 tuổi là 12.982 chiếm 9,2%; từ 56 - 60 tuổi là 12.754 chiếm 9,1%; trên 60 tuổi là 33.438 chiếm 23,8%.

- *Về trình độ của đảng viên*: Đảng viên có trình độ học vấn Trung học phổ thông chiếm 79,5%; trung học cơ sở chiếm 17,1%; tiểu học chiếm 3,1%; biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ chiếm 0,3%. Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên chiếm 47,4%; trung cấp, cao đẳng chiếm 14,7%; sơ cấp chiếm 4,5%. Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp chiếm 15,6%; cao cấp, cử nhân chiếm 3,4%.

### **3. Số lượng, cơ cấu cấp ủy các cấp**

#### **3.1. Cấp ủy cấp tỉnh**

*Hiện nay, tổng số Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh có 70 đồng chí, trong đó:*

- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ 08 đồng chí, chiếm 11,4%; Thạc sĩ 59 đồng chí, chiếm 84,3%; Đại học 03 đồng chí, chiếm 4,3%.

- 100% có trình độ lý luận chính trị Cao cấp, cử nhân.

- Độ tuổi: Dưới 42 tuổi có 03 đồng chí, chiếm 4,3%; từ 42 đến 52 tuổi có 45 đồng chí, chiếm 64,3%; từ 52 tuổi trở lên có 22 đồng chí, chiếm 31,4%.

- Số cấp ủy viên là nữ: 14 đồng chí, chiếm 20%; cấp ủy viên là người dân tộc thiểu số: 26 đồng chí, chiếm 37,1%.

- Cán bộ có trình độ khoa học công nghệ: 14 đồng chí, chiếm 20%.

- Về ngạch công chức: Chuyên viên chính và tương đương 13 đồng chí, chiếm 18,6%; Chuyên viên cao cấp và tương đương 55 đồng chí, chiếm 78,6%.

#### **3.2. Cấp ủy cấp xã**

Tổng số ủy viên ban chấp hành đảng bộ cấp xã trong toàn tỉnh là 2.327 đồng chí, trong đó: Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy: 879 đồng chí; Bí thư Đảng ủy: 92 đồng chí; Phó Bí thư Đảng ủy: 182 đồng chí.

- Về trình độ chuyên môn: Trình độ trung cấp 07 đồng chí, chiếm 0,3%; trình độ cao đẳng 06 đồng chí, chiếm 0,3%; trình độ đại học 1.687 đồng chí, chiếm 72,5% và có trình độ sau đại học 627 đồng chí, chiếm 26,9%, trong đó có 04 đồng chí có trình độ Tiến sĩ.

- Trình độ lý luận chính trị: Sơ cấp 08 đồng chí, chiếm 0,3%; Trung cấp 1.377 đồng chí, chiếm 59,2%; Cao cấp, cử nhân 942 đồng chí, chiếm 40,5%.

- Về cơ cấu độ tuổi: Dưới 42 tuổi có 358 đồng chí, chiếm 15,4%; từ 42 - 52 tuổi có 1.888 đồng chí, chiếm 81,1%; trên 52 tuổi có 81 đồng chí, chiếm 3,5%.

- Số cấp ủy viên là nữ: 472 đồng chí, chiếm 20,3%; cấp ủy viên là người dân tộc thiểu số: 884 đồng chí, chiếm 38%.

- Cán bộ có trình độ khoa học công nghệ 151 đồng chí, chiếm 6,5%.

- Về ngạch công chức: Chuyên viên chính 435 đồng chí, chiếm 18,7%; Chuyên viên cao cấp 16 đồng chí, chiếm 0,7%.

### **3.3. Cấp ủy cấp cơ sở**

Tổng số ủy viên ban chấp hành các chi, đảng bộ cấp cơ sở trong toàn tỉnh là 3.796 đồng chí, trong đó: bí thư: 735 đồng chí; phó bí thư: 726 đồng chí, ủy viên ban thường vụ đảng ủy: 380 đồng chí.

- Về trình độ chuyên môn cấp ủy viên: Trình độ sơ cấp, trung cấp 111 đồng chí, chiếm 2,9%; trình độ cao đẳng 52 đồng chí, chiếm 1,4%; trình độ đại học 2.401 đồng chí, chiếm 63,3% và có trình độ sau đại học 1.232 đồng chí, chiếm 32,5%, trong đó có 42 đồng chí có trình độ tiến sĩ, chiếm 1,1%. Có trình độ về công nghệ thông tin, tin học 95 đồng chí, chiếm 2,5%.

- Trình độ lý luận chính trị: Sơ cấp 251 đồng chí, chiếm 6,6%; Trung cấp 2.276 đồng chí, chiếm 60%; Cao cấp, cử nhân 1.269 đồng chí, chiếm 33,4%.

- Về cơ cấu độ tuổi cấp ủy viên: Dưới 42 tuổi có 615 đồng chí, chiếm 16,2%; từ 42 - 52 tuổi có 2.755 đồng chí, chiếm 72,6 %; trên 52 tuổi có 426 đồng chí, chiếm 11,2%.

- Số cấp ủy viên là nữ: 1.131 đồng chí, chiếm 29,8%; cấp ủy viên là người dân tộc thiểu số 1.609 đồng chí, chiếm 42,4%.

- Cán bộ có trình độ khoa học công nghệ 277 đồng chí, chiếm 7,3%.

- Ngạch công chức: Chuyên viên chính 717 đồng chí, chiếm 18,9%; Chuyên viên cao cấp 65 đồng chí, chiếm 1,7%.

## **4. Số lượng, cơ cấu cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp**

### **4.1. Cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý**

Tổng số hiện nay 470 đồng chí, trong đó:

- Về trình độ chuyên môn: Đại học 150 đồng chí, chiếm 31,9%; Thạc sĩ 306 đồng chí, chiếm 65,1%; Tiến sĩ 14 đồng chí, chiếm 3%.

+ Có chuyên môn về công nghệ thông tin, tin học: 32 đồng chí, chiếm 6,8%.

- + Có chuyên môn cử nhân ngoại ngữ: 21 đồng chí, chiếm 4,5%.
- + Được đào tạo tại nước ngoài: 11 đồng chí, chiếm 2,3%.
- + Chức danh khoa học: Phó Giáo sư 01 đồng chí, bằng 0,2%.
- Về trình độ lý luận chính trị: Trung cấp 21 đồng chí, chiếm 4,5%; Cao cấp, cử nhân 449 đồng chí, chiếm 95,5%.
- Về độ tuổi: Dưới 42 tuổi 39 đồng chí, chiếm 8,3%; từ 42 - 52 tuổi 372 đồng chí, chiếm 79,2%; trên 52 tuổi 59 đồng chí, chiếm 12,5%.
- Cán bộ nữ: 99 đồng chí, chiếm 21,1%; dân tộc thiểu số: 177 đồng chí, chiếm 37,7%.
- Về ngạch công chức: Chuyên viên chính 274 đồng chí, chiếm 58,2%; chuyên viên cao cấp 76 đồng chí, chiếm 16,2%.

#### **4.2. Cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc diện các Ban Thường vụ Đảng ủy trực thuộc quản lý (không bao gồm Đảng ủy Công an tỉnh, Đảng ủy Quân sự tỉnh)**

Tổng số hiện nay 1.412 đồng chí, trong đó:

- Về trình độ chuyên môn: Cao đẳng 04 đồng chí, chiếm 0,3%; Đại học 940 đồng chí, chiếm 66,6%; Thạc sĩ 455 đồng chí, chiếm 32,2%; Tiến sĩ 13 đồng chí, chiếm 0,9%.
- + Có chuyên môn về công nghệ thông tin, tin học: 157 đồng chí, chiếm 11,1%.
- + Có chuyên môn cử nhân ngoại ngữ: 65 đồng chí, chiếm 4,6%.
- + Được đào tạo tại nước ngoài: 09 đồng chí, chiếm 0,6%.
- Về trình độ lý luận chính trị: Sơ cấp 02 đồng chí, chiếm 0,1%; Trung cấp 680 đồng chí, chiếm 48,2%; Cao cấp, cử nhân 730 đồng chí, chiếm 51,7%.
- Về độ tuổi: Dưới 42 tuổi 237 đồng chí, chiếm 16,8%; từ 42 - 52 tuổi 1.066 đồng chí, chiếm 75,5%; trên 52 tuổi 109 đồng chí, chiếm 7,7%.
- Cán bộ nữ: 431 đồng chí, chiếm 30,5%; dân tộc thiểu số: 577 đồng chí, chiếm 41%.
- Về ngạch công chức: Chuyên viên 910 đồng chí, chiếm 64,4%; chuyên viên chính 357 đồng chí, chiếm 25,3%; chuyên viên cao cấp 04 đồng chí, chiếm 0,3%.

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Ưu điểm**

Những năm qua, các cấp ủy, tổ chức đảng từ tỉnh đến cơ sở luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng trong công tác xây dựng Đảng. Công tác nghiên cứu, quán triệt, triển khai nghị quyết;

giáo dục chính trị, tư tưởng; tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được tăng cường, gắn với thực hiện Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII) và Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Vai trò, năng lực lãnh đạo của cấp ủy các cấp tiếp tục được phát huy, thực sự là hạt nhân chính trị lãnh đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Tổ chức đảng được rà soát, củng cố, kiện toàn gắn với sắp xếp đơn vị hành chính; quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ được xây dựng, thực hiện nề nếp; sinh hoạt cấp ủy, chi bộ ngày càng đi vào chiều sâu, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ; đa số đảng viên gương mẫu, đoàn kết, chấp hành nghiêm nghị quyết. Các tiêu chí đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng được cụ thể hóa phù hợp; việc đánh giá, xếp loại ngày càng thực chất; hằng năm trên 90% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ, công tác khen thưởng được thực hiện kịp thời, đúng đối tượng.

Công tác phát triển, quản lý đảng viên được chú trọng, cả về số lượng và chất lượng; tỷ lệ đảng viên mới là nữ, trẻ, người dân tộc thiểu số, có trình độ đại học, tỷ lệ trưởng thôn, xóm, tổ dân phố là đảng viên đều tăng; việc phân công nhiệm vụ, quản lý hồ sơ, kiểm điểm, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật đảng viên được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định; 100% đảng viên đang công tác giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và Nhân dân nơi cư trú theo Quy định số 213-QĐ/TW, ngày 02/01/2020 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú.

Các khâu trong công tác cán bộ được triển khai đồng bộ, hiệu quả, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp có bước trưởng thành, phát triển về nhiều mặt; chất lượng, cơ cấu độ tuổi, giới tính, dân tộc, lĩnh vực công tác ngày càng hợp lý; nguồn cán bộ quy hoạch dồi dào, bảo đảm tính kế thừa, chuyển tiếp. Nhiều chủ trương, quan điểm, giải pháp về công tác cán bộ được thể chế hóa, cụ thể hóa thành quy chế, quy định, quy trình dân chủ, chặt chẽ; đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp cơ bản bảo đảm phẩm chất, năng lực, uy tín, có khả năng hoạch định và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của tỉnh.

## 2. Hạn chế và nguyên nhân

### 2.1. Hạn chế

- Công tác quán triệt, triển khai và cụ thể hóa các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và các nghị quyết của cấp ủy cấp trên có lúc chưa sát, chưa phù hợp với tình hình thực tiễn của cơ quan, địa phương, đơn vị, dẫn đến chưa nâng cao được vai trò của tổ chức đảng, đảng viên. Vẫn còn chi bộ chưa duy trì lịch sinh hoạt định kỳ theo quy định; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của chi bộ còn ít; việc tổ chức sinh hoạt chuyên đề và lựa chọn nội dung sinh hoạt chuyên đề nhất là ở chi bộ thôn, xóm, tổ dân phố còn hạn chế.

- Toàn tỉnh hiện vẫn còn 07 chi bộ thôn sinh hoạt ghép (*trong đó: ghép 02 thôn là 06 chi bộ; ghép 03 thôn là 01 chi bộ*). Dẫn đến những bất cập trong phát huy vai trò hạt nhân chính trị ở cơ sở. Vẫn còn trường thôn, xóm, tổ dân phố chưa phải là đảng viên (chiếm 10,7%).

- Việc phát triển đảng viên là học sinh trung học phổ thông, đảng viên là người theo tôn giáo, đảng viên là công nhân, người lao động trong các loại hình doanh nghiệp nhất là doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước còn nhiều khó khăn, hạn chế.

- Một số cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu, đùn đẩy trách nhiệm, thiếu bản lĩnh, chính kiến, làm việc cầm chừng, không chuyên nghiệp, thiếu tâm huyết, trách nhiệm, an bài, chọn việc, không từ chức khi không hoàn thành nhiệm vụ được giao; tùy tiện, quan liêu, xa dân. Một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý uy tín thấp, năng lực, phẩm chất chưa ngang tầm nhiệm vụ, vi phạm quy định của Đảng bị xử lý kỷ luật<sup>4</sup>.

- Công tác đánh giá cán bộ vẫn là khâu yếu và chậm được khắc phục: Một số tổ chức đảng đánh giá cán bộ chưa đúng thực chất, còn hình thức, tinh thần tự phê bình và phê bình chưa cao. Sau đánh giá cán bộ còn thiếu các biện pháp kiểm tra, giám sát.

- Việc đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho đội ngũ cán bộ chưa đồng bộ, cụ thể với từng cấp, từng ngành, với từng vị trí việc làm, từng chức danh. Việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị chưa gắn kết với bồi dưỡng về trách nhiệm, đạo đức công vụ; công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ chủ chốt trong quy hoạch chưa mang tính kế hoạch chiến lược<sup>5</sup>.

<sup>4</sup> Nhiệm kỳ 2020 - 2025, toàn Đảng bộ tỉnh có 2.021 đảng viên bị kỷ luật, trong đó có 221 cấp ủy viên các cấp bị xử lý kỷ luật (theo báo cáo tổng kết công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng của Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025).

<sup>5</sup> Sau khi triển khai thực hiện và tổng kết Đề án số 11-ĐA/TU, ngày 24/9/2012 của BCH Đảng bộ tỉnh về “Đào tạo 80 thạc sĩ, 20 tiến sĩ theo tinh thần Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 22/11/2011 về công tác cán bộ giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020”, tỉnh chưa có chương trình đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ quản lý, lãnh đạo, cán bộ chủ chốt các cấp.

- Cơ cấu đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý chưa thực sự cân đối và hợp lý; còn tình trạng vừa thừa, vừa thiếu cán bộ; thiếu sự liên thông giữa các cấp, các ngành<sup>6</sup>; tỷ lệ cán bộ trẻ<sup>7</sup>, cán bộ nữ<sup>8</sup> chưa đạt mục tiêu đề ra.

- Sau gần 5 tháng thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp, hoạt động của cấp xã mới đã bộc lộ một số khó khăn, vướng mắc như: Nguồn lực, cơ sở vật chất còn thiếu thốn, hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ, cơ chế phối hợp chưa thực sự nhịp nhàng giữa các cấp, các ngành; một bộ phận cán bộ, công chức (*đặc biệt là đội ngũ cán bộ, công chức từ cấp xã cũ*) còn hạn chế về năng lực so với yêu cầu nhiệm vụ mới; tình trạng thiếu cán bộ chuyên môn sâu, đặc biệt trong các lĩnh vực như kế toán, tài chính, đầu tư, giao thông, xây dựng, quy hoạch, địa chính,... còn xảy ra ở một số địa phương; số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã chưa có sự đồng đều, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Đòi hỏi cần có những giải pháp cụ thể nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy và chất lượng, năng lực hoạt động của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, đáp ứng yêu cầu thực thi nhiệm vụ của chính quyền địa phương 2 cấp.

- Số cán bộ lãnh đạo, quản lý, quản trị giỏi, cán bộ nghiên cứu chuyên sâu trên một số lĩnh vực; các công trình khoa học, đề án, dự án đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng hệ thống chính trị của tỉnh chưa đáp ứng với yêu cầu thực tiễn. Một số cán bộ thiếu tư duy, tầm nhìn để tham mưu những vấn đề chiến lược, dài hạn, chưa cập nhật và theo kịp hội nhập quốc tế.

## **2.2. Nguyên nhân hạn chế**

### *\* Nguyên nhân chủ quan*

- Một số cấp ủy, người đứng đầu cấp ủy, địa phương, đơn vị chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vai trò, vị trí của TCCSĐ và tầm quan trọng của công tác cán bộ trong tình hình mới. Công tác giáo dục chính trị, đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên chưa thường xuyên; nội dung, phương pháp giảng dạy, học tập lý luận chính trị, nghiệp vụ công tác đảng, bồi dưỡng đảng viên còn chậm đổi mới, còn nặng về lý luận, thiếu thực tiễn.

<sup>6</sup> Giữa cán bộ khối Đảng, MTTQ và các Tổ chức chính trị - xã hội với cán bộ Nhà nước, giữa khu vực doanh nghiệp nhà nước với khu vực hành chính nhà nước; giữa Lĩnh vực chuyên môn như: kinh tế, tài chính, luật, nội chính, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước, hợp tác quốc tế và đối ngoại.

<sup>7</sup> Tỷ lệ cán bộ trẻ: Cấp ủy cấp tỉnh đạt 4,3%, cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đạt 8,3%.

<sup>8</sup> Tỷ lệ cán bộ nữ: Cấp ủy cấp tỉnh đạt 20%, cấp ủy cấp xã đạt 20,3% (Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị là 25%).

- Một số cấp ủy hạn chế về khả năng dự báo và đề ra chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết những vấn đề khó khăn, bất cập ở cơ sở.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, người đứng đầu cấp ủy cấp trên chưa thật sự quyết liệt, thường xuyên, liên tục. Một số nơi cấp ủy chưa phân công cấp ủy viên theo dõi, phụ trách TCCSD, chi bộ; việc nắm tình hình tư tưởng, tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân còn hạn chế.

- Các trường học chưa dành sự quan tâm đúng mức đối với việc phát hiện, bồi dưỡng, giới thiệu, xem xét kết nạp đảng cho học sinh và sinh viên.

- Các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước chủ yếu tập trung vào sản xuất kinh doanh, chưa quan tâm nhiều đến công tác phát triển tổ chức đảng và đảng viên.

- Một số đảng viên chưa thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện, chưa tiên phong gương mẫu trong công tác và sinh hoạt, nói không đi đôi với làm, ngại khó, ngại khổ, giảm sút ý chí phấn đấu, vi phạm các nguyên tắc sinh hoạt đảng và những điều đảng viên không được làm; bỏ sinh hoạt đảng hoặc xin ra khỏi Đảng.

- Các nội dung công tác cán bộ chưa được nghiên cứu sơ kết, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm thường xuyên, đồng bộ trong toàn tỉnh.

- Chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ chưa đủ hấp dẫn, mức đãi ngộ và môi trường làm việc trong khu vực công chưa đáp ứng kỳ vọng, vì vậy chưa tuyển được nhiều người tài vào làm việc trong hệ thống chính trị.

- Chất lượng tham mưu của một số cơ quan, bộ phận làm công tác tổ chức cán bộ còn hạn chế, chủ yếu mới chỉ thực hiện các nhiệm vụ hành chính, sự vụ, thiếu cán bộ nghiên cứu chuyên sâu; chưa tham mưu được các đề án, đề tài về công tác cán bộ có tính chiến lược, dài hạn.

*\* Nguyên nhân khách quan*

- Điều kiện kinh tế - xã hội khác biệt dẫn đến chất lượng hoạt động đảng ở các vùng không giống nhau.

- Những tác động tiêu cực của mặt trái nền kinh tế thị trường cũng có ảnh hưởng đến công tác cán bộ và đội ngũ cán bộ.

- Việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, xây dựng chính quyền địa phương 2 cấp là việc khó, có nhiều nội dung mới chưa có trong tiền lệ.

**Phần thứ ba**  
**QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**  
**NHIỆM KỲ 2025 - 2030**

**I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO**

1. *Bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, xác định xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa quyết định đối với việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị của toàn Đảng bộ:* Quán triệt sâu sắc các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng Đảng về tổ chức, tư tưởng, đạo đức với chỉnh đốn Đảng; kiên quyết, kiên trì ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, cũng như những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng.

2. *Phát huy vai trò lãnh đạo toàn diện của cấp ủy, đề cao trách nhiệm người đứng đầu:* Cấp ủy các cấp phải tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện công tác xây dựng Đảng; người đứng đầu cấp ủy chịu trách nhiệm trực tiếp, toàn diện về chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên thuộc phạm vi phụ trách. Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; đề cao tính tiên phong, gương mẫu, tinh thần trách nhiệm và ý thức nêu gương của cấp ủy viên, cán bộ chủ chốt các cấp, góp phần củng cố niềm tin, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng trong tình hình mới.

3. *Kết hợp chặt chẽ giữa chất lượng và số lượng, lấy chất lượng, hiệu quả làm thước đo:* Trong công tác phát triển đảng viên và công tác cán bộ, phải bảo đảm đúng tiêu chuẩn, điều kiện; không vì cơ cấu, số lượng mà hạ thấp tiêu chuẩn. Chú trọng cả đức và tài, trong đó đức là gốc; kiên quyết sàng lọc, đưa ra khỏi Đảng những đảng viên không đủ tư cách, đồng thời chủ động phát hiện, bồi dưỡng, kết nạp những quần chúng ưu tú, có phẩm chất, năng lực và khát vọng cống hiến. Hiệu quả công tác xây dựng Đảng được xác định bằng kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, sự chuyển biến về năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và mức độ tín nhiệm, hài lòng của Nhân dân đối với tổ chức đảng, chính quyền các cấp.

4. *Hướng về cơ sở, đề cao yếu tố địa phương và tính kế thừa:* Các chủ trương, giải pháp phải bám sát thực tiễn, phù hợp với đặc điểm của từng địa bàn, lĩnh vực, bảo đảm thiết thực và khả thi. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, gắn công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng với củng cố chính quyền cơ sở và các tổ chức chính trị - xã hội. Đề cao tính kế thừa, phát huy những mô hình hiệu quả, cách làm hay, đồng thời tiếp tục đổi mới, sáng tạo phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

**5. Kết hợp xây dựng đội ngũ cán bộ với xây dựng tổ chức:** Xây dựng TCCSĐ vững mạnh phải gắn với xây dựng đội ngũ cấp ủy, cán bộ chủ chốt có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Đồng thời, việc bố trí, sử dụng đúng cán bộ sẽ góp phần củng cố, nâng cao sức mạnh của tổ chức đảng. Mọi giải pháp về tổ chức bộ máy phải gắn với công tác cán bộ, bảo đảm tính ổn định, kế thừa và phát triển liên tục giữa các thế hệ cán bộ.

## II. MỤC TIÊU NHIỆM KỲ 2025 - 2030

### 1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên trong sạch, vững mạnh toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ, tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng, trước hết là ở cơ sở; xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp cơ sở và đội ngũ đảng viên có phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới. Đảm bảo Đảng lãnh đạo thực hiện thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 đã đề ra, đưa Thái Nguyên trở thành trung tâm công nghiệp hiện đại, có thu nhập trung bình cao trước năm 2030.

### 2. Mục tiêu cụ thể (các chỉ tiêu chủ yếu phấn đấu đạt vào năm 2030):

#### 2.1. Nhóm mục tiêu về xây dựng tổ chức cơ sở đảng

(1) Tiếp tục duy trì 100% cấp ủy cấp cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở xây dựng quy chế làm việc phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo quy định và thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc đã đề ra.

(2) Tiếp tục duy trì hằng năm có trên 90% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

(3) Hằng năm, phấn đấu thành lập từ 08 tổ chức đảng trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước trở lên.

(4) Phấn đấu đến năm 2028, 100% thôn, xóm, tổ dân phố có chi bộ sinh hoạt độc lập.

(5) Phấn đấu đến năm 2030, 100% các TCCSĐ thực hiện chế độ báo cáo, thống kê công tác đảng định kỳ bằng phương thức điện tử trực tuyến.

#### 2.2. Nhóm mục tiêu về nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy

(6) 100% cấp ủy viên cấp trên trực tiếp cơ sở được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng theo quy định.

(7) 100% cấp ủy viên cấp cơ sở được tham gia ít nhất 01 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Đảng; cập nhật kiến thức, kỹ năng theo quy định.

### **2.3. Nhóm mục tiêu về xây dựng đội ngũ cán bộ**

(8) Phân đầu tỷ lệ cán bộ trẻ (*dưới 42 tuổi*) tham gia cấp ủy cấp tỉnh đạt từ 5% trở lên; tham gia cấp ủy cấp xã đạt từ 20% trở lên; tham gia cấp ủy cấp cơ sở đạt từ 20% trở lên. Phân đầu trên 90% cấp ủy cấp tỉnh giữ ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương; trên 25% cấp ủy cấp xã giữ ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương trở lên; trên 20% cấp ủy cấp cơ sở giữ ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương trở lên.

(9) Tiếp tục duy trì tỷ lệ cán bộ nữ tham gia cấp ủy cấp tỉnh từ 20% trở lên; phân đầu tỷ lệ cán bộ nữ tham gia cấp ủy cấp xã đạt từ 35% trở lên. Phân đầu tỷ lệ cán bộ nữ giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý từ 25% trở lên; tỷ lệ cán bộ nữ giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc diện ban thường vụ đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy quản lý từ 35% trở lên.

(10) Duy trì tỷ lệ cấp ủy tỉnh có trình độ từ thạc sĩ trở lên trên 95%, cán bộ có trình độ khoa học công nghệ trên 20%; phân đầu cấp ủy cấp xã có trình độ chuyên môn thạc sĩ trở lên trên 35%, trình độ khoa học công nghệ trên 10%; phân đầu cấp ủy cấp cơ sở có trình độ chuyên môn thạc sĩ trở lên trên 35%, trình độ khoa học công nghệ trên 10%. Phân đầu trên 75% cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý có trình độ chuyên môn thạc sĩ trở lên; phân đầu trên 40% cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc diện ban thường vụ đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy quản lý có trình độ chuyên môn thạc sĩ trở lên. 100% cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có trình độ tin học đáp ứng được công tác lãnh đạo quản lý đối với Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2025 - 2030.

(11) Phân đầu quy hoạch cấp ủy các cấp: Cán bộ trẻ từ 15% trở lên, cán bộ nữ từ 25% trở lên, cán bộ người dân tộc thiểu số từ 30% trở lên; cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ từ 10% trở lên trên tổng số cán bộ được quy hoạch cấp ủy các cấp.

(12) Phân đầu đến năm 2030, có 10% trở lên cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, cấp xã được luân chuyển để đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện.

(13) 100% cơ quan, đơn vị xây dựng được bộ công cụ đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo hiệu quả công việc, gắn với vị trí việc làm.

(14) Từ 80% trở lên cán bộ trong quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý; quy hoạch cấp ủy cấp tỉnh, cấp xã được đào tạo trình độ lý luận chính trị trung cấp, cao cấp.

(15) 100% cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong hệ thống chính trị được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng theo quy định.

### **2.4. Nhóm mục tiêu về phát triển đội ngũ đảng viên**

(16) Phân đầu hằng năm, tỷ lệ kết nạp đảng viên mới đạt từ 3,2% trở lên so với tổng số đảng viên.

(17) Phân đầu hằng năm, kết nạp từ 500 đảng viên mới trở lên là học sinh, sinh viên và từ 350 đảng viên mới trở lên trong doanh nghiệp.

(18) Tiếp tục duy trì hằng năm, có trên 90% đảng viên được đánh giá, xếp loại từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên

(19) Phân đấu đến năm 2030, 100% trưởng thôn, xóm, tổ dân phố là đảng viên.

(20) Phân đấu từ năm 2026, 100% đảng viên đủ điều kiện sử dụng phần mềm “Sổ tay đảng viên điện tử” hoặc các nền tảng số được cấp ủy cung cấp để phục vụ sinh hoạt, học tập nghị quyết; 100% hồ sơ đảng viên được cập nhật thường xuyên trên Phần mềm quản lý dữ liệu đảng viên do Trung ương triển khai.

### III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

#### **1. Về xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ**

Tiếp tục rà soát, sắp xếp, kiện toàn TCCSD, chi bộ trực thuộc đồng bộ, thống nhất theo chỉ đạo của Trung ương, phù hợp với mô hình tổ chức hành chính và đặc điểm của từng địa phương, đơn vị; cơ bản sắp xếp các tổ chức đảng trong các cơ quan, đơn vị trực thuộc cấp ủy xã, phường nơi cơ quan, đơn vị đặt trụ sở; đồng thời xem xét sắp xếp TCCSD trong các đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp có quy mô lớn trực thuộc Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc trực thuộc Tỉnh ủy.

Tập trung củng cố TCCSD ở khu vực nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng xa, trong các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước, gắn với tăng cường xây dựng các tổ chức chính trị - xã hội; quan tâm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đảng bộ, chi bộ các cơ quan Đảng, Ủy ban nhân dân xã, phường. Đối với những nơi có tổ chức đảng yếu kém hoặc chưa có tổ chức đảng, cấp ủy cấp trên trực tiếp có kế hoạch phân công đảng viên, đảng ủy viên phụ trách địa bàn để giúp củng cố, phát triển tổ chức đảng; rà soát, đánh giá chất lượng hoạt động của từng chi bộ, nắm chắc thực trạng đội ngũ đảng viên, khả năng tạo nguồn phát triển đảng viên ở từng xóm, tổ dân phố; xây dựng lộ trình cụ thể kiện toàn, chia tách chi bộ sinh hoạt ghép trên cơ sở bảo đảm chất lượng, hiệu quả lãnh đạo, không chạy theo số lượng.

Thực hiện nghiêm quy chế làm việc, nề nếp sinh hoạt chi bộ định kỳ, sinh hoạt chuyên đề theo quy định của Điều lệ Đảng, Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 23/7/2025 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong giai đoạn mới và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương, gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị. Duy trì phân công cấp ủy viên cấp trên và lãnh đạo các cơ quan, đơn vị dự sinh hoạt với chi bộ cấp dưới để nắm tình hình, kịp thời tháo gỡ khó khăn từ cơ sở; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ sinh hoạt cấp ủy, chi bộ; củng cố, nâng cao chất lượng đội ngũ chi ủy viên, bí thư chi bộ, bồi dưỡng kỹ năng chuẩn bị, điều hành sinh hoạt chi bộ.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyên đổi số trong sinh hoạt chi bộ và lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy: Triển khai hiệu quả “Sổ tay đảng viên điện tử”; hướng dẫn sinh hoạt trực tuyến ở những chi bộ, đảng bộ cơ sở có tính chất đặc thù, chi bộ đông đảng viên, bảo đảm đúng nguyên tắc, chặt chẽ, tránh hình thức; cập nhật, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu đảng viên liên thông với hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Tiếp tục thực hiện, nhân rộng các mô hình “Chi bộ bốn tốt”, “Đảng bộ cơ sở bốn tốt”; thực hiện có hiệu quả chủ trương bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn, xóm, tổ dân phố hoặc trưởng ban công tác Mặt trận ở nơi có đủ điều kiện.

## **2. Về đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền, nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy**

Cấp ủy các cấp thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc bảo đảm đúng Điều lệ Đảng, các quy định về chức năng, nhiệm vụ của từng loại hình tổ chức đảng, quy chế theo mẫu của Trung ương, quy chế của cấp ủy cấp trên trực tiếp và phù hợp thực tiễn địa phương, cơ quan, đơn vị; xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn, chế độ làm việc, mối quan hệ công tác giữa tập thể và cá nhân.

Nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo, kỹ năng và nghiệp vụ công tác Đảng, năng lực cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nghị quyết cho đội ngũ cấp ủy viên các cấp thông qua các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, rèn luyện thực tiễn; kịp thời kiện toàn cấp ủy các cấp bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định, chú trọng cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ, có năng lực nổi trội. Thực hiện chủ trương bí thư cấp ủy đồng thời là thủ trưởng cơ quan, đơn vị, người đứng đầu doanh nghiệp nhà nước, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, trưởng ban công tác Mặt trận là đảng viên, phù hợp với điều kiện cụ thể.

Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của cấp ủy, nhất là sinh hoạt cấp ủy, ban hành và tổ chức thực hiện nghị quyết; bảo đảm nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt Đảng, đồng thời phát huy mạnh mẽ tinh thần chủ động, sáng tạo. Cấp ủy các cấp bám sát nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của cấp trên, kịp thời cụ thể hóa, tổ chức thực hiện sáng tạo, hiệu quả, phù hợp thực tiễn; tổng kết, nhân rộng cách làm hay, mô hình tốt; chủ động phát hiện, xử lý kịp thời những vấn đề mới phát sinh.

Phát huy vai trò trung tâm đoàn kết, trách nhiệm chính trị và tính nêu gương của người đứng đầu, nhất là bí thư cấp ủy; xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt có khát vọng cống hiến, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, tuân thủ kỷ luật, kỷ cương của Đảng.

### **3. Về xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ chiến lược, cán bộ chủ chốt của tỉnh**

Bám sát các chủ trương, quy định của Trung ương, tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, chuẩn hóa, đồng bộ các quy định, quy trình về công tác cán bộ; hoàn thiện quy định về phân cấp quản lý cán bộ, quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi chức vụ, từ chức, miễn nhiệm; thí điểm bổ nhiệm cán bộ vượt cấp theo chỉ đạo của Trung ương để tạo nguồn cán bộ trẻ, cán bộ chiến lược của tỉnh<sup>9</sup>; hoàn thiện các quy định về đánh giá, xếp loại cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng; tiêu chuẩn chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, tiêu chuẩn lãnh đạo, quản lý cấp phòng; cơ chế kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ; cơ chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo.

Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cụ thể hóa nguyên tắc “trao quyền cho địa phương để địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”; phát huy tính chủ động, sáng tạo của cấp dưới; thực hiện khoán sản phẩm công việc có chọn lọc đối với một số vị trí lãnh đạo, quản lý, gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả thực hiện nhiệm vụ, nhất là trong các lĩnh vực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, chuyển đổi số.

Xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp bảo đảm số lượng, cơ cấu hợp lý, chất lượng ngày càng được nâng cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt của tỉnh có bản lĩnh chính trị vững vàng, tư duy chiến lược, năng lực lãnh đạo, quản lý toàn diện, am hiểu thực tiễn, có uy tín trong Đảng bộ và Nhân dân; đội ngũ cán bộ cấp ủy xã, phường gần dân, sát dân, am hiểu văn hóa địa phương, có khả năng vận động, thuyết phục Nhân dân, tổ chức thực hiện tốt chủ trương, chính sách ở cơ sở; đội ngũ cán bộ trong các cơ quan xây dựng Đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có trình độ chuyên môn sâu, tư duy đổi mới, sáng tạo.

Đổi mới công tác đánh giá cán bộ theo hướng lấy sản phẩm, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ (KPI) làm thước đo chủ yếu; nghiên cứu xây dựng và vận hành “Hệ thống chấm điểm năng lực cán bộ” trên nền tảng số, tích hợp dữ liệu về kết quả công tác, sản phẩm đầu ra, chỉ số tín nhiệm và ý kiến phản hồi đa chiều, bảo đảm đánh giá cán bộ khách quan, công bằng, minh bạch.

---

<sup>9</sup> Theo khoản 3, Điều 13 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

Nâng cao chất lượng nguồn quy hoạch cán bộ, bảo đảm cơ cấu 3 độ tuổi, có tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ trong quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp bảo đảm theo quy định và phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh; đối với nơi chưa có nguồn cán bộ đáp ứng yêu cầu, kịp thời xem xét, lựa chọn nhân sự từ địa phương, đơn vị khác có đủ tiêu chuẩn để đưa vào quy hoạch.

Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo từng nhóm đối tượng: Cán bộ chiến lược của tỉnh (*đương chức và trong quy hoạch*) được bồi dưỡng kiến thức, phương pháp tư duy, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, làm việc trong môi trường quốc tế; cán bộ cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, kết hợp bồi dưỡng tập trung với “cầm tay chỉ việc” tại cơ sở. Đổi mới quản lý và nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo của tỉnh; đầu tư xây dựng Trường Chính trị tỉnh đạt chuẩn mức 2; phát huy vai trò Trung tâm chính trị cấp xã trong bồi dưỡng chính trị, kỹ năng, nghiệp vụ, đạo đức công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã; xây dựng cơ chế “đặt hàng” với các trường đại học, cao đẳng trong và ngoài tỉnh để đào tạo các chuyên ngành còn thiếu.

Xây dựng, thực hiện Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, khuyến khích cán bộ tự học, tự bồi dưỡng; biên soạn, số hóa tài liệu bồi dưỡng phù hợp với từng nhóm đối tượng; phấn đấu đến năm 2030 có từ 35% trở lên công chức lãnh đạo, quản lý (*từ cấp phòng và tương đương trở lên*) có trình độ sau đại học; giai đoạn 2026 - 2030 đào tạo, bồi dưỡng khoảng trên 50.000 lượt cán bộ, công chức, viên chức.

Đẩy mạnh luân chuyển, biệt phái cán bộ theo kế hoạch tổng thể giai đoạn 2025 - 2030; tăng cường luân chuyển cán bộ trong quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh về cơ sở và ngược lại, gắn với chủ trương người đứng đầu không giữ chức vụ quá 2 nhiệm kỳ liên tiếp tại một địa phương, cơ quan, đơn vị; quan tâm luân chuyển cán bộ trẻ dưới 35 tuổi về giữ các chức danh lãnh đạo, quản lý ở cơ sở để rèn luyện, tạo nguồn cán bộ lãnh đạo các cấp. Có cơ chế, chính sách động viên, hỗ trợ, đãi ngộ đối với cán bộ luân chuyển, biệt phái, nhất là đến vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Thực hiện có hiệu quả cơ chế đặc biệt trong tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đãi ngộ cán bộ theo Kết luận số 205-KL/TW, của Bộ Chính trị; rà soát, hoàn thiện vị trí việc làm, làm cơ sở xác định biên chế hợp lý; quan tâm tuyển dụng đội ngũ cán bộ cho các xã vùng sâu, vùng xa; chủ động phát hiện, bồi dưỡng, định hướng học sinh giỏi, xuất sắc vào làm việc trong các cơ quan Đảng, Nhà nước; có chính sách học bổng, tín dụng ưu đãi để thu hút nhân lực chất lượng cao vào làm việc trong hệ thống chính trị các cấp.

Chỉ đạo thực hiện chặt chẽ quy trình bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ và trên cơ sở phẩm chất, năng lực, sở trường, uy tín, kết quả thực tiễn; bố trí, sắp xếp số lượng cấp phó phù hợp, bảo đảm đến hết năm 2030 thực hiện đúng quy định của Đảng và Nhà nước.

#### **4. Về tăng cường công tác xây dựng Đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên**

Tăng cường tuyên truyền, giáo dục lý tưởng của Đảng, về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phát triển đảng viên cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên đối với công tác phát triển đảng viên trong tình hình mới; thường xuyên cập nhật kiến thức cho cán bộ, đảng viên hằng năm.

Thực hiện tốt các giải pháp tạo nguồn, nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên; rà soát, đánh giá đúng thực trạng chất lượng quần chúng để xây dựng kế hoạch tạo nguồn phát triển đảng viên phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương, cơ quan, đơn vị; thông qua hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, phong trào thi đua để phát hiện, bồi dưỡng quần chúng ưu tú, tiên phong, gương mẫu, có uy tín trong Nhân dân.

Quan tâm phát triển đảng viên trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự, công an, lực lượng dân quân tự vệ, người đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, công an; đội ngũ công nhân, người lao động, cán bộ quản lý trong doanh nghiệp; chú trọng phát triển đảng viên trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, trong học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung học phổ thông và trên địa bàn dân cư đô thị, nông thôn.

Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các Trung tâm chính trị cấp xã, bảo đảm thực hiện tốt bồi dưỡng nhận thức về Đảng cho quần chúng ưu tú và bồi dưỡng lý luận chính trị cho đảng viên mới; đổi mới chương trình, nội dung, hình thức bồi dưỡng phù hợp với từng đối tượng.

Có giải pháp cụ thể, đồng bộ để tạo điều kiện cho đảng viên tham gia sinh hoạt đảng; kiên quyết khắc phục tình trạng đảng viên bỏ sinh hoạt, ngại sinh hoạt; chấn chỉnh, khắc phục tư tưởng chạy theo số lượng, xem nhẹ chất lượng trong phát triển đảng viên. Thường xuyên rà soát, sàng lọc, kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những đảng viên không còn đủ tư cách.

Phấn đấu hằng năm tỷ lệ kết nạp đảng viên đều đạt và vượt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I đề ra; trong đó, kết nạp khoảng trên 1.750 đảng viên trong các doanh nghiệp và trên 2.500 đảng viên trong học sinh, sinh viên giai đoạn 2026 - 2030.

## **5. Về cơ chế, chính sách, công tác thi đua, khen thưởng và chuyển đổi số trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị**

Trên cơ sở các cơ chế, chính sách của Trung ương, tiếp tục rà soát, kế thừa, điều chỉnh, bổ sung và ban hành đồng bộ các cơ chế, chính sách của tỉnh phù hợp yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới; tập trung vào chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài; chính sách đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, tăng cường, biệt phái cán bộ; chính sách phát triển nguồn nhân lực, nhất là cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ.

Hoàn thiện các chính sách đối với tổ chức đảng, đảng viên, các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, xóm, tổ dân phố và người hoạt động không chuyên trách cấp xã; quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh, điều dưỡng, thăm hỏi, tặng Huy hiệu Đảng; tổ chức các hình thức gặp gỡ, tiếp xúc, đối thoại, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, hợp tác xã; phát động và tổ chức các phong trào thi đua sản xuất, kinh doanh gắn với nhiệm vụ xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị.

Đổi mới căn bản công tác thi đua, khen thưởng; tổ chức các phong trào thi đua chuyên đề gắn với nhiệm vụ trọng tâm của từng cấp ủy, tổ chức đảng về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên; đưa kết quả tham gia phong trào thi đua vào tiêu chí đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, đảng viên hằng năm; bảo đảm việc khen thưởng kịp thời, công khai, minh bạch, chú trọng cơ sở, quan tâm cán bộ, đảng viên trực tiếp công tác ở thôn, xóm, tổ dân phố; tăng cường khen thưởng đột xuất, khen thưởng chuyên đề đối với mô hình mới, cách làm sáng tạo, hiệu quả.

Tạo đột phá về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị: Triển khai đồng bộ “Sổ tay đảng viên điện tử”; sinh hoạt trực tuyến ở những nơi có đủ điều kiện; ứng dụng nền tảng số dùng chung trong quản lý, điều hành, giải quyết thủ tục hành chính trong Đảng; xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu cán bộ, đảng viên trên nền tảng số, đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; nghiên cứu, triển khai “trợ lý ảo” phục vụ công tác đánh giá, quy hoạch, bố trí, sử dụng cán bộ.

Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng về khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp; bảo đảm liên thông hệ thống cơ sở dữ liệu đảng viên với hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức, phục vụ hiệu quả công tác cán bộ, quản lý đảng viên và yêu cầu vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp trong bối cảnh chuyển đổi số.

## 6. Nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá

Để tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nêu trên, Đề án xác định một số nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá sau:

(1) Căn cứ Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 và các chỉ thị, nghị quyết, hướng dẫn của Trung ương, của Tỉnh ủy, kịp thời cụ thể hóa đầy đủ, đồng bộ các nội dung về công tác cán bộ, công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và quản lý đội ngũ cán bộ, đảng viên.

(2) Xây dựng, ban hành Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác phát triển đảng viên trong tình hình mới, bảo đảm thiết thực, khả thi, có trọng tâm, trọng điểm.

(3) Xây dựng, ban hành Quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đánh giá chất lượng sinh hoạt chi bộ, làm căn cứ để kiểm tra, giám sát, nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, chi bộ.

(4) Xây dựng kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, cấp xã giai đoạn 2026 - 2030.

(5) Tổ chức số hóa đầy đủ dữ liệu về tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên trên địa bàn tỉnh; xây dựng, vận hành có hiệu quả cơ sở dữ liệu dùng chung, phục vụ kịp thời, chính xác cho công tác cán bộ, công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị.

(6) Tập trung đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức công vụ, gắn với đẩy mạnh luân chuyển, biệt phái để tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn 2025 - 2030 và những năm tiếp theo.

(7) Ban hành cơ chế, chính sách thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao vào làm việc trong hệ thống chính trị các cấp.

## IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Kinh phí thực hiện Đề án chủ yếu được bố trí từ ngân sách địa phương theo kế hoạch hằng năm (*bao gồm ngân sách cho đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; kinh phí hoạt động cấp ủy các cấp; kinh phí ứng dụng CNTT; khen thưởng xây dựng Đảng; khảo sát, học tập kinh nghiệm...*). Các nội dung Đề án sẽ được lồng ghép với các chương trình, đề án hiện hành để sử dụng nguồn lực tiết kiệm và hiệu quả.

## V. HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

Thực hiện hiệu quả Đề án sẽ có tác động lâu dài đến sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị vững mạnh trên địa bàn tỉnh, trong đó:

## 1. Hiệu quả về chính trị

Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng; củng cố vững chắc niềm tin của Nhân dân đối với Đảng; đảm bảo thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

## 2. Hiệu quả kinh tế - xã hội

Đội ngũ cán bộ, đảng viên chất lượng cao góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, từ đó thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Nguồn nhân lực chất lượng cao tham gia trực tiếp vào phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, tạo giá trị gia tăng cao cho nền kinh tế. Xây dựng đội ngũ cán bộ gần dân, sát dân, vì dân, củng cố niềm tin nhân dân, phát huy khối đại đoàn kết, đảm bảo an ninh chính trị.

Việc chú trọng phát triển tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội trong đơn vị kinh tế tư nhân sẽ góp phần làm cầu nối giữa đường lối, chính sách của Đảng với đội ngũ doanh nhân, người lao động trong khu vực tư nhân; thúc đẩy xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định; tạo môi trường để đảng viên, đoàn viên, hội viên gắn bó, hỗ trợ nhau, xây dựng văn hóa doanh nghiệp lành mạnh, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp và đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

## Phần thứ tư

### TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### I. THỜI GIAN THỰC HIỆN

Đề án được thực hiện trong 5 năm, tương ứng nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh 2025 - 2030 (*từ quý IV năm 2025 đến hết năm 2030*). Lộ trình chính: Năm 2025 ban hành và quán triệt Đề án, các cấp ủy xây dựng kế hoạch triển khai; các năm từ 2026 - 2030 tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo kế hoạch hằng năm; giữa nhiệm kỳ (năm 2028) tiến hành sơ kết, đánh giá giữa nhiệm kỳ việc thực hiện Đề án (*lồng ghép với sơ kết Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh*); năm 2030 tổ chức tổng kết, đánh giá toàn diện kết quả thực hiện Đề án, rút kinh nghiệm và xây dựng định hướng cho giai đoạn tiếp theo. Trong quá trình triển khai, nếu có yêu cầu mới hoặc phát sinh vấn đề, Ban Thường vụ Tỉnh ủy sẽ kịp thời điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp cho phù hợp, đảm bảo hoàn thành mục tiêu Đề án đề ra.

## II. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

### 1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt Đề án đến các cấp ủy, tổ chức đảng; chỉ đạo các cấp ủy trực thuộc xây dựng kế hoạch (hoặc Đề án) cụ thể hóa phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tiễn của từng cấp. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc; hằng năm thành lập các đoàn kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện tại các đảng bộ trực thuộc. Giữa nhiệm kỳ 2028 và cuối nhiệm kỳ 2030, tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá toàn diện kết quả thực hiện Đề án, báo cáo Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Ban Tổ chức Trung ương theo quy định.

### 2. Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh

Lãnh đạo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền, bảo đảm cơ sở pháp lý và nguồn lực cho việc thực hiện Đề án.

### 3. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh

Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh thể chế hóa, cụ thể hóa nội dung Đề án thành chương trình, kế hoạch, cơ chế, chính sách triển khai trong phạm vi toàn tỉnh. Chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng, quyền hạn và nội dung Đề án.

### 4. Ban Tổ chức Tỉnh ủy

Là cơ quan thường trực, có trách nhiệm thành lập Tổ giúp việc để triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án. Chủ trì phối hợp với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy và Văn phòng Tỉnh ủy, các cơ quan liên quan tham mưu xây dựng, hoàn thiện các chỉ thị, quy định, kế hoạch, hướng dẫn về công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng, công tác cán bộ, đảng viên; thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp và tham mưu báo cáo kết quả, tình hình thực hiện Đề án định kỳ hằng quý tại các hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

### 5. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy

Chủ trì trong việc tuyên truyền, quán triệt sâu rộng Đề án trong toàn Đảng bộ; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường tuyên truyền trong Nhân dân, tạo thống nhất về nhận thức, đồng thuận và ủng hộ việc triển khai Đề án. Chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông xây dựng chuyên trang, chuyên mục về công tác xây dựng Đảng; kịp thời thông tin, biểu dương mô hình tốt, cách làm hay, điển hình tiên tiến. Phối hợp Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham mưu tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn chuyên đề về nội dung Đề án; đồng thời chủ động nắm bắt tình hình tư tưởng, dư luận trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân về công tác xây dựng Đảng, công tác tổ chức, cán bộ, kịp thời báo cáo, đề xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy các giải pháp xử lý phù hợp.

## 6. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy

Lồng ghép các nội dung kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án vào chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm của cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp. Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiến hành kiểm tra chuyên đề đối với những đảng bộ, đơn vị thực hiện chưa tốt các chỉ tiêu của Đề án; đồng thời hướng dẫn ủy ban kiểm tra cấp ủy trực thuộc tăng cường giám sát việc triển khai Đề án ở địa phương. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy chủ trì theo dõi, tham mưu xử lý kỷ luật những tổ chức đảng, đảng viên vi phạm trong quá trình thực hiện công tác tổ chức, cán bộ, đảng viên (nếu có). Định kỳ, tổng hợp báo cáo theo quy định.

## 7. Văn phòng Tỉnh ủy

Phối hợp theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện; tham mưu bảo đảm các điều kiện cần thiết phục vụ việc triển khai Đề án.

## 8. Trường Chính trị tỉnh

Chủ trì, phối hợp trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo kế hoạch của Tỉnh ủy; bổ sung, cập nhật chương trình, tài liệu phù hợp với yêu cầu Đề án.

## 9. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, địa phương, đơn vị

Tổ chức quán triệt, phổ biến nội dung Đề án đến các tổ chức đảng trực thuộc và đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức; căn cứ Đề án và tình hình thực tế tại địa phương, cơ quan, đơn vị, xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để thực hiện Đề án có hiệu quả, phù hợp với đặc điểm, tình hình của địa phương, cơ quan, đơn vị.

Trên đây là Đề án “*Củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy các cấp; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ nhiệm kỳ 2025 - 2030*”. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, địa phương, đơn vị kịp thời tổng hợp, báo cáo về Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) để xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

### Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (*báo cáo*),
- Ban Tổ chức Trung ương (*báo cáo*),
- Văn phòng Trung ương Đảng (*báo cáo*),
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh,
- Các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy,
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy (3b),
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

BTCTU/216

**T/M BAN CHẤP HÀNH  
BÍ THƯ**

**Trịnh Xuân Trường**